

Số: 444/QĐTN

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2012
hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Thủ tướng chính phủ V/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN ngày 29/01/2008 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; được bổ sung theo công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/04/2013 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2015 – 2016 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 23/5/2016;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cử nhân cho **1282** (một ngàn hai trăm tám mươi hai) sinh viên, cụ thể:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Ngành Sư phạm Toán học | có 48 (bốn mươi tám) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Tin học | có 33 (ba mươi ba) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Vật lý | có 64 (sáu mươi bốn) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Hóa học | có 42 (bốn mươi hai) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Sinh học | có 59 (năm mươi chín) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Ngữ văn | có 60 (sáu mươi) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Lịch sử | có 57 (năm mươi bảy) sinh viên, |
| - Ngành Sư phạm Địa lý | có 55 (năm mươi lăm) sinh viên, |
| - Ngành Giáo dục Chính trị | có 33 (ba mươi ba) sinh viên, |
| - Ngành Giáo dục Tiểu học | có 127 (một trăm hai mươi bảy) sinh viên, |



- Ngành Giáo dục Mầm non
- Ngành Toán ứng dụng
- Ngành Công nghệ thông tin
- Ngành Vật lý học
- Ngành Hóa học (PT-MT)
- Ngành Hóa học (Hóa dược)
- Ngành Khoa học môi trường
- Ngành Quản lý Tài nguyên – MT
- Ngành Công nghệ sinh học
- Ngành Văn học
- Ngành Báo chí
- Ngành Việt Nam học
- Ngành Địa lý học
- Ngành Địa lý tự nhiên
- Ngành Công tác xã hội
- Ngành Tâm lý học

có 114 (một trăm mười bốn) sinh viên,
 có 49 (bốn mươi chín) sinh viên,
 có 19 (mười chín) sinh viên,
 có 17 (mười bảy) sinh viên,
 có 55 (năm mươi lăm) sinh viên,
 có 48 (bốn mươi tám) sinh viên,
 có 35 (ba mươi lăm) sinh viên,
 có 41 (bốn mươi mốt) sinh viên,
 có 30 (ba mươi) sinh viên,
 có 57 (năm mươi bảy) sinh viên,
 có 84 (tám mươi bốn) sinh viên,
 có 44 (bốn mươi bốn) sinh viên,
 có 18 (mười tám) sinh viên,
 có 47 (bốn mươi bảy) sinh viên,
 có 23 (hai mươi ba) sinh viên,
 có 23 (hai mươi ba) sinh viên,

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các phòng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khoa học - HTQT, Tổ chức – Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các Khoa và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *h*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bảo Hoàng Thanh

PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-TN.. ngày 01. tháng 6.. năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Trần Mai	Anh	24/01/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 379
2	Trần Thị	Hạnh	10/01/1994	3,02	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 318
3	Lê Thị	Hạnh	24/09/1994	3,30	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 319
4	Đặng Thị	Hiên	14/06/1994	2,87	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 323
5	Dương Xuân	Hiệp	14/01/1994	3,46	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 322
6	Nguyễn Thị Thu	Hoà	29/11/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 324
7	Nguyễn Thị Minh	Huệ	17/05/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 325
8	Phạm Thị Thu	Huyền	24/04/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 327
9	Nguyễn Thị	Lan	09/10/1994	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 328
10	Võ Thị Thu	Lan	03/02/1994	2,73	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 382
11	Nguyễn Thị	Lệ	28/02/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 329
12	Trần Thị Mai	Linh	15/01/1994	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 331
13	Nguyễn Thị	Loan	11/03/1994	3,25	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 333
14	Trần Thị Thuý	Loan	03/05/1994	3,45	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 332
15	Trương Hồ Thiên	Long	13/05/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 334
16	Dương Phước	Luân	29/12/1994	3,06	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 384
17	Nguyễn Thị Phương	Mai	11/03/1994	3,06	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 335
18	Hoàng Lê	Mai	30/12/1994	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 336
19	Hồ Thị Trà	My	18/06/1994	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 337
20	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	03/11/1994	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 338
21	Lê Thị Kim	Ngọc	10/05/1994	2,87	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 340
22	Hồ Hạnh	Nguyên	04/09/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 345
23	Trần Đoàn Thảo	Nguyên	14/07/1994	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 385
24	Tạ Thị Quỳnh	Như	02/09/1994	3,28	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 386
25	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	23/08/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 348
26	Phạm Thị Đoàn	Phúc	01/09/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 349
27	Trần Việt	Phục	01/09/1994	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 350
28	Nguyễn Thị Hoa	Phượng	02/08/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 351
29	Đặng Thị	Sanh	12/07/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 353
30	Lê Thị	Sương	01/04/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 354
31	Phan Phụng	Tân	30/07/1994	2,71	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 355
32	Nguyễn Hồng	Thạch	10/03/1994	2,61	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 359
33	Nguyễn Thị	Thanh	04/03/1993	3,34	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 356
34	Coor	Thảo	12/04/1993	2,55	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012 5
35	Nguyễn Hiên	Thảo	01/06/1993	3,39	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 358
36	Đặng Phước	Thiên	13/10/1994	2,80	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 360
37	Nguyễn Thị	Thiệt	10/06/1994	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 361
38	Cao Thị Mỹ	Thiếu	20/12/1994	2,90	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 362
39	Võ Thị Kim	Thoa	08/02/1994	3,37	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 363
40	Đặng Thị Diễm	Thúy	20/06/1994	2,90	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 365
41	Nguyễn Thánh	Trâm	08/02/1994	3,37	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 369
42	Nguyễn Phạm Hồng	Trâm	09/02/1994	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 368
43	Võ Lê Bảo	Trần	31/12/1994	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 370
44	Lê Thị Ngọc	Trình	27/09/1994	3,10	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 371
45	Dương Lệ	Trúc	20/08/1994	3,29	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 373
46	Bùi Trần Duy	Tuấn	07/09/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 374
47	Hoàng Cẩm	Vân	31/10/1994	2,94	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 375

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
48	Lê Tường Vi	10/11/1994	3,32	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	377

Ấn định danh sách này có 48 (bốn mươi tám) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 16 Xếp loại Giỏi
- 32 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình *h*

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 444./QĐ.TN ngày 01 tháng 6.. năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
1	Võ Thành Đạt	27/12/1993	3,25	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	150
2	Nguyễn Trường Giang	23/10/1984	2,82	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	113
3	Bùi Thị Hồng Hà	27/02/1993	2,58	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	404
4	Nguyễn Thị Thu Hà	20/05/1994	2,84	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	77
5	Đặng Thị Thu Hằng	02/04/1993	3,14	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	391
6	Võ Thị Mỹ Hạnh	12/10/1993	2,51	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	92
7	Nguyễn Thị Hào	20/07/1994	2,99	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	114
8	Trần Thị Hẹn	06/05/1993	2,97	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	115
9	Bùi Thị Thanh Hiền	25/08/1993	2,60	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	71
10	Ngô Thị Hoa	18/02/1994	2,91	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	94
11	Mạc Thị Hồng Hương	30/04/1993	2,83	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	116
12	Nguyễn Thị Ngọc Lan	07/01/1994	2,86	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	98
13	Lương Thị Lạt	12/03/1994	2,98	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	117
14	Lê Thị Lý	10/11/1994	2,82	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	99
15	Nguyễn Thị Trúc Na	20/07/1994	3,07	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	120
16	Phạm Phú Kim Ngân	14/07/1994	2,73	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	101
17	Từ Khắc Nghĩa	01/08/1990	3,33	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	82
18	Lê Thị Mỹ Ngọc	06/07/1993	3,09	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	103
19	Trần Thị Kim Phụng	13/04/1994	2,83	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	124
20	Nguyễn Thị Kiều Thu	20/11/1993	2,62	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	396
21	Nguyễn Thị Bích Trâm	27/03/1993	2,92	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	413
22	Phạm Thị Huỳnh Trâm	18/01/1994	2,77	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	73
23	Nguyễn Vũ Thuý Trang	03/04/1993	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	397
24	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/1994	2,79	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	108
25	Lê Vũ Thị Quỳnh Trinh	24/05/1994	3,22	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	110
26	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	01/01/1993	2,19	Trung bình	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	398
27	Lê Văn Quốc Trịnh	25/01/1994	2,58	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	132
28	Nguyễn Huỳnh Tôn Nữ Hoài	13/02/1994	2,96	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	130
29	Lê Văn Tuấn	26/09/1990	3,47	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	112
30	Z Râm Thị Tuốt	21/07/1992	2,70	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012	15
31	Nguyễn Thị Uyên	11/07/1994	2,82	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	134
32	Lê Thị Hải Vân	04/11/1994	2,49	Trung bình	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	399
33	Nguyễn Thị Thu Yên	08/03/1994	2,87	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	137

Ấn định danh sách này có 33 (ba mươi ba) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 04 Xếp loại Giỏi
- 27 Xếp loại Khá
- 02 Xếp loại Trung bình



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-ĐH, ngày 01 tháng 6, năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thế Ân	09/08/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 418
2	Huỳnh Thị Ngọc Anh	16/10/1989	3,61	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 416
3	Trần Thị Kim Anh	27/01/1994	3,43	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 415
4	Thái Thiên Bảo	14/10/1993	3,60	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 419
5	Dương Thị Nhật Cánh	15/10/1993	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 420
6	Lê Thị Châu	01/10/1994	2,83	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 421
7	Trần Thị Diễm	01/01/1994	3,05	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 422
8	Bùi Thị Dung	02/09/1993	2,80	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 423
9	Lê Thị Hà	17/10/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 424
10	Nguyễn Thị Hạnh	17/08/1993	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 425
11	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/10/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 426
12	Lê Thị Diệu Hiền	16/02/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 428
13	Phan Văn Hiếu	01/06/1994	2,62	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 427
14	Huỳnh Thị Hoa	24/11/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 430
15	Trần Thị Hương	10/01/1994	3,30	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 434
16	Đặng Thị Thanh Huyền	03/05/1993	3,25	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 432
17	Trương Thị Vũ Lài	04/01/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 437
18	Phạm Thị Y Lan	10/01/1994	3,44	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 436
19	Lê Thị Huỳnh Linh	17/11/1994	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 440
20	Lương Thị Thùy Linh	08/04/1994	3,10	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 441
21	Đinh Mỹ Linh	20/06/1994	3,31	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 439
22	Nguyễn Thị Lộc	09/05/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 442
23	Nguyễn Thị Tuyết Mai	27/01/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 443
24	Nguyễn Thị Ngọc Mai	20/03/1993	2,73	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 444
25	Võ Thị Thuý Minh	10/12/1994	2,80	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 445
26	Dương Thảo My	10/05/1994	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 446
27	Huỳnh Thị Ly Na	25/11/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 447
28	Nguyễn Thị Ngân	05/08/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 448
29	Nguyễn Thị Nghĩa	09/08/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 449
30	Phạm Phú Ngọc	11/01/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 450
31	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/04/1993	3,61	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 451
32	Nguyễn Văn Ngọc	24/07/1994	3,64	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 452
33	Ngô Thị Quỳnh Nguyên	19/01/1994	3,16	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 453
34	Nguyễn Thị Nhung	18/01/1993	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 455
35	Nguyễn Văn Nở	16/01/1993	2,61	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 456
36	Ngô Thị Phúc	08/07/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 457
37	Lê Thị Phước	01/08/1994	2,97	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 461
38	Nguyễn Quỳnh Phương	09/03/1993	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 458
39	Nguyễn Hoài Phương	10/03/1994	2,63	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 459
40	Lê Thị Mỹ Phương	27/11/1994	2,94	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 460
41	Trần Thị Nguyên Quý	03/06/1994	3,05	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 462
42	Phan Thị Quý	05/02/1994	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 463
43	Trương Minh Xuân Sơn	20/04/1994	2,52	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 465
44	Đinh Thị Nguyệt Thanh	22/03/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 467
45	Nguyễn Thị Thanh	28/07/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 468
46	Lương Thị Thu Thảo	02/01/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 471
47	Nguyễn Thị Vũ Thảo	22/02/1994	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 469
48	Võ Thị Thu Thảo	12/08/1993	2,68	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 472

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
49	Đinh Ngọc	Thiện	30/07/1993	2,62	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	473
50	Bùi Văn Quang	Thông	03/12/1994	3,63	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	474
51	Nguyễn Thị	Thuận	01/02/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	475
52	Huỳnh Thị Thu	Thùy	14/06/1994	2,66	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	476
53	Phạm Lê Minh	Toàn	19/02/1994	2,71	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	478
54	Phan Thị Bích	Trâm	26/11/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	481
55	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/11/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	479
56	Nguyễn Thị Thanh	Triều	07/02/1994	2,92	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	484
57	Nguyễn Tô	Trình	25/12/1994	3,56	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	482
58	Hoàng Thị Tú	Trình	25/07/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	483
59	Nguyễn Văn	Trung	24/03/1994	2,41	Trung bình	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	485
60	Lê Thị	Tường	05/07/1994	2,89	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	487
61	Trương Thị Bích	Vân	27/04/1993	2,94	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	488
62	Lê Thị Hồng	Vân	08/02/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	489
63	Diệp Thị Tường	Vi	10/10/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	490
64	Trương Thị Viễn	Vý	13/10/1993	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	492

Ấn định danh sách này có 64 (sáu mươi bốn) sinh viên, trong đó:

- 05 Xếp loại Xuất sắc
- 13 Xếp loại Giỏi
- 45 Xếp loại Khá
- 01 Xếp loại Trung bình ✓

HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-ĐHN ngày 01. tháng 6. năm 2016 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
1	Trương Thị Hoàng	Anh	10/05/1994	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	494
2	Nguyễn Đình	Chương	01/04/1993	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	496
3	Nguyễn Thị	Cúc	20/04/1994	3,22	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	497
4	Lê Ngọc	Dung	25/10/1994	3,22	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	501
5	Mai Nguyễn Phương	Hằng	28/12/1993	3,26	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	504
6	Blúp Thị	Hoài	14/02/1993	2,62	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012	8
7	Nguyễn Việt	Hung	01/01/1994	2,63	Khá	5789/ĐHĐN-ĐT ngày 20/09/2012	11
8	Trần Thị Thu	Hương	20/10/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	508
9	Nguyễn Thị	Hường	11/07/1994	2,87	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	509
10	Đặng Hồ Khánh	Huyền	20/12/1994	3,28	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	507
11	Thị Thị Diệu	Huyền	20/04/1994	2,9	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	506
12	Phan Thị	Lan	27/02/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	511
13	Nguyễn Thị	Liều	30/09/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	512
14	Trương Hoàng	Long	27/11/1994	2,7	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	513
15	Trần Thị Anh	Minh	01/07/1994	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	514
16	Lê Trần Trà	My	13/07/1994	3,31	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	515
17	Lê Thị	Ngọc	20/06/1993	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	517
18	Phan Thị Thanh	Nhàn	15/03/1994	3,39	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	520
19	Trần Thị Tuyết	Nhung	01/07/1994	3,64	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	521
20	Trần Đăng	Phú	19/12/1994	2,72	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	522
21	Huỳnh Thị Hồng	Phúc	29/03/1994	3,39	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	524
22	Hà Đặng Thuý	Phương	20/09/1994	3,39	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	526
23	Trương Thị	Phượng	29/08/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	527
24	Phạm Thị	Sang	20/01/1994	2,9	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	530
25	Nguyễn Thị	Sang	16/02/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	529
26	Huỳnh Thị Ngân	Sương	20/08/1994	2,9	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	531
27	Võ Thị Thu	Sương	28/07/1994	3,55	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	532
28	Lê Phương	Thảo	05/03/1994	3,47	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	535
29	Phan Nguyễn Phương	Thảo	21/10/1994	3,55	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	533
30	Hồ Thị Minh	Thị	13/10/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	538
31	Nguyễn Thị Kim	Thị	03/02/1993	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	537
32	Đinh Thị	Thương	02/06/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	541
33	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	28/11/1994	3,38	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	540
34	Huỳnh Thị Thanh	Thuyền	26/04/1994	3,54	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	539
35	Nguyễn Thị	Tinh	24/07/1994	3,38	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	543
36	Hồ Thị	Trâm	26/08/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	549
37	Hoàng Như	Trang	16/09/1994	3,38	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	545
38	Nguyễn Thị Bích	Trang	02/02/1994	3,45	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	548
39	Võ Thị Việt	Trình	09/10/1993	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	550
40	Võ Đăng Quốc	Trường	24/02/1994	2,7	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	551
41	Trần Văn	Tường	12/01/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	555
42	Nguyễn Thị Hoàng	Văn	20/09/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	556

Ann định danh sách này có 42 (bốn mươi hai) sinh viên, trong đó:

-01 Xếp loại Xuất sắc

-20 Xếp loại Giỏi

-21 Xếp loại Khá

-00 Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-TN ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
1	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/05/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	561
2	Ông Thị	Diễm	31/03/1994	3,31	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	565
3	Đỗ Thị Thu	Hà	05/02/1994	3,29	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	572
4	Phạm Thị	Hạnh	20/08/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	575
5	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	15/10/1992	3,12	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	577
6	Trà Thị Mỹ	Hào	16/10/1994	3,61	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	574
7	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/07/1989	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	584
8	Hồ Thị Xuân	Hiền	02/02/1994	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	582
9	Lê Như	Hoa	16/05/1992	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	585
10	Hà Thị	Huệ	16/10/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	586
11	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	06/03/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	587
12	Trương Thị	Huyền	29/09/1994	3,26	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	589
13	Lê Nguyên	Khang	22/01/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	592
14	Bùi Tấn	Lâm	14/03/1994	3,42	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	593
15	Lê Thị	Lệ	10/01/1994	3,32	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	594
16	Lê Thị Hương	Liên	20/11/1994	3,12	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	595
17	Vũ Thị Thùy	Linh	06/03/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	597
18	Nguyễn Thị	Lời	26/04/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	600
19	Dương Thị Hiền	My	19/11/1993	3,37	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	603
20	Nguyễn Thị Hằng	Nga	30/03/1994	3,40	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	606
21	Nguyễn Phương Thủy	Ngọc	25/06/1993	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	609
22	Đỗ Thị Minh	Ngọc	19/07/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	617
23	Trần Thị Hạnh	Nguyên	04/09/1994	3,56	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	618
24	Lê Thị	Nhi	21/06/1993	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	614
25	Trương Huỳnh Thảo	Nhi	07/02/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	611
26	Lê Thị	Như	10/12/1993	3,28	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	618
27	Hoàng Mai	Nhung	03/08/1994	3,49	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	616
28	Lê Thị	Nở	20/07/1994	3,20	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	619
29	Trần Thị Kim	Phụng	11/05/1994	3,58	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	622
30	Lưu Thị Bích	Phượng	12/06/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	623
31	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/09/1994	3,38	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	625
32	Thần Thị Thu	Sang	21/08/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	626
33	Võ Thị Thanh	Tâm	05/08/1994	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	627
34	Trương	Tấn	10/09/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	628
35	Võ Văn	Thanh	25/09/1993	2,70	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012	10
36	Phạm Nguyên Phương	Thảo	20/11/1994	3,45	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	638
37	Trần Thị Kiều	Thảo	18/01/1994	3,88	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	632
38	Nguyễn Thị	Thảo	01/10/1994	3,46	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	637
39	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/12/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	634
40	Trần Thị	Thảo	04/04/1994	3,34	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	636
41	Đỗ Thị	Thôi	10/01/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	640
42	Nguyễn Thị Hoài	Thương	16/01/1994	3,71	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	648
43	Đặng Thị Thu	Thủy	18/12/1993	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	644
44	Dương Thị Thu	Thủy	13/11/1993	3,55	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	645
45	Ngô Thị Bích	Trâm	23/03/1994	2,89	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	652
46	Trần Thị Ngọc	Trâm	24/10/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	651
47	Nguyễn Thị Thủy	Trang	17/05/1993	3,31	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	649
48	Lê Thị	Trình	22/02/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	654

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
49	Trần Kiều Trinh	19/05/1994	3,21	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 655
50	Võ Thị Kiều Trinh	12/06/1993	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 653
51	Phạm Thị Tuyền	28/12/1993	3,59	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 656
52	Phạm Thị Văn	28/12/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 658
53	Huỳnh Thị Hàn Vi	25/12/1993	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 660
54	Nguyễn Vũ Vy	23/01/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 664
55	Huỳnh Thị Tường Vy	12/12/1993	3,44	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 665
56	Lê Thị Ý	18/04/1993	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 668
57	Võ Thị Như Ý	30/04/1993	3,44	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 669
58	Nguyễn Ngọc Ý	21/02/1994	3,34	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 667
59	Đỗ Thị Yên	07/08/1992	3,50	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 666

Ấn định danh sách này có 59 (năm mươi chín) sinh viên, trong đó:

- 03 Xếp loại Xuất sắc
- 32 Xếp loại Giỏi
- 24 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình ✓



THƯỜNG TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-TN ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Thuý	An	21/09/1994	3,12	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 670
2	Huỳnh Thị Quỳnh	Anh	19/10/1994	2,76	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 671
3	Huỳnh Thị	Duyên	28/05/1993	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 672
4	Nguyễn Thị	Đào	05/05/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 673
5	Ngô Thị	Giang	14/08/1994	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 674
6	Đàm Thị Ngân	Hà	04/03/1994	3,19	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 675
7	Trần Thị	Hà	10/10/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 676
8	Trương Thị Thu	Hằng	11/05/1992	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 677
9	Nguyễn Thị	Hằng	11/01/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 678
10	Lâm Thị	Hiệp	12/12/1993	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 679
11	Lê Thị Thuý	Hồng	10/08/1994	3,28	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 681
12	Đặng Văn	Hùng	10/05/1994	2,73	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 685
13	Lê Thị Mỹ	Hương	02/03/1993	3,37	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 688
14	Lê Thị Nữ	Hương	10/08/1993	3,58	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 687
15	Trương Ngọc	Huyền	20/03/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 683
16	Lê Thị Thanh	Huyền	08/05/1994	3,29	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 682
17	Võ Thị Thanh	Huyền	05/07/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 684
18	Trần Thị	Lành	20/09/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 689
19	Lê Thị Trúc	Lệ	30/11/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 690
20	Nguyễn Thị Diễm	Lệ	12/04/1993	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 691
21	Nguyễn Thị Thùy	Linh	27/09/1994	3,61	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 692
22	Lê Thị	Loan	06/10/1993	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 694
23	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	22/03/1994	3,02	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 694
24	Nguyễn Thị Thanh	Minh	20/05/1992	2,51	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012 695
25	Nguyễn Thị Thảo	My	18/12/1993	3,20	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 695
26	Lê Thị Vi	Na	04/11/1992	2,82	Khá	4878/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012 696
27	Hồ Thị Thanh	Nga	20/11/1994	2,89	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 696
28	Arát Thị Thuý	Nga	20/02/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 697
29	Phạm Thị Thuý	Ngân	12/06/1993	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 698
30	Trương Thị Kim	Nguyệt	14/10/1993	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 699
31	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/01/1994	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 702
32	Nguyễn Quỳnh	Như	06/07/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 701
33	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/12/1994	3,14	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 700
34	Ma Thị Minh	Nhương	03/04/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 703
35	Võ Thị Kim	Nhật	09/04/1993	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 704
36	Đậu Thị	Oanh	26/01/1994	2,65	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 705
37	Võ Thị	Phụng	01/03/1994	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 706
38	Nguyễn Thị Anh	Phương	20/11/1993	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 707
39	Nguyễn Thị Hà	Quyên	01/06/1994	3,62	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 708
40	Võ Thị Như	Quỳnh	01/01/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 709
41	Phạm Văn	Song	02/06/1994	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 710
42	Nguyễn Thị Hồng	Sương	18/01/1994	2,86	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 711
43	Trần Thị	Thanh	08/06/1993	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 712
44	Đỗ Thị	Thảo	20/03/1993	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 713
45	Trần Thị Thanh	Thảo	12/10/1993	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 714
46	Thân Thị	Thư	24/10/1992	3,43	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 718
47	Nguyễn Hoài	Thương	19/10/1993	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 719
48	Lang Ngân	Tiêm	28/12/1992	2,68	Khá	4878/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012 3

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
49	Nguyễn Thị Thu Trang	02/01/1993	2,68	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	720
50	Nguyễn Thị Kiều Trang	20/03/1993	2,90	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	721
51	Đỗ Hữu Trình	21/10/1994	2,76	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	724
52	Ngô Thị Phương Trinh	17/06/1994	3,20	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	722
53	Huỳnh Tố Trinh	16/07/1993	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	723
54	Nguyễn Thị Minh Tú	09/08/1993	3,50	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	726
55	Lưu Lê Uyên	03/06/1994	3,72	Xuất sắc	3526/ĐHĐN-ĐT ngày 28/06/2012	9
56	Nguyễn Thị Vân	06/09/1994	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	728
57	Lê Thị Vân	10/04/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	727
58	Trần Nguyễn Yên Vi	03/06/1994	3,30	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	729
59	Đỗ Thị Kim Yên	12/02/1994	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	730
60	Bùi Thị Yên	20/02/1993	3,31	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	731

Ấn định danh sách này có 60 (sáu mươi) sinh viên, trong đó:

- 03 Xếp loại Xuất sắc
- 15 Xếp loại Giỏi
- 42 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình ✓



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-TN, ngày 04 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
1	Trần Thị Vân	Anh	19/09/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	733
2	Nguyễn Thị	Anh	15/02/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	732
3	Nguyễn Thị Phương	Dung	21/09/1993	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	735
4	Nguyễn Thị	Dương	21/10/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	737
5	Phạm Thị	Duyến	28/05/1994	2,94	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	736
6	Bùi Thị	Đào	15/06/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	738
7	Tơ Ngồ	Đào	20/03/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	739
8	Y	Hào	08/08/1994	3,40	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	740
9	Hồ Thị	Hoa	05/06/1994	3,49	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	742
10	Nguyễn Thị	Hoa	02/11/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	741
11	Lê Thị	Hoà	28/08/1994	3,48	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	743
12	Lê Thị	Hồng	11/08/1994	3,22	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	744
13	Lê Thu	Hồng	02/10/1994	3,61	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	745
14	Phạm Thị Thu	Hương	27/07/1994	3,52	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	747
15	Nguyễn Thị	Huyền	11/01/1994	3,43	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	746
16	Y	Khánh	30/10/1992	2,79	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012	9
17	Trần Thị Mỹ	Linh	30/06/1994	3,44	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	750
18	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	23/11/1994	3,58	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	757
19	Nguyễn Thị	Ngon	20/07/1994	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	755
20	Bùi Thị Phương	Nhân	24/08/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	758
21	Lê Thị Quỳnh	Nhi	10/01/1994	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	760
22	Huỳnh Thị	Nhi	14/06/1993	3,35	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	761
23	Lê Thị Kiều	Oanh	17/11/1994	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	762
24	Nguyễn Hữu	Phúc	12/01/1994	3,02	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	763
25	Phạm Trần Thiên	Phụng	12/09/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	764
26	Phạm Thị	Phương	11/06/1994	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	765
27	Nguyễn Thị	Phượng	01/03/1994	3,20	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	767
28	Trần Thị	Phương	24/09/1994	2,83	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	766
29	Lê Đình	Quý	12/10/1993	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	769
30	Vũ Thị	Quỳnh	10/03/1993	2,78	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	768
31	Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh	26/07/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	770
32	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	18/03/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	772
33	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	22/09/1994	2,80	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	771
34	Hoàng Kim	Thành	17/01/1993	2,71	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	773
35	Nguyễn Thị	Thảo	20/02/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	780
36	Hồ Thị Hoàng	Thảo	17/06/1993	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	779
37	Phan Thị Thu	Thảo	02/03/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	776
38	Trần Thị Phương	Thảo	15/05/1992	3,37	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	778
39	Hoàng Thị Phương	Thảo	27/06/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	774
40	Ngô Thị Thu	Thảo	08/08/1993	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	775
41	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/09/1994	3,42	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	781
42	Võ Thị	Thu	05/07/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	782
43	Hoàng Thị Minh	Thư	04/10/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	786
44	Y	Thư	08/09/1993	2,70	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	785
45	Trương Thị Mỹ	Thương	13/01/1994	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	788
46	Nguyễn Lê Thanh	Thùy	29/09/1994	3,02	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	784
47	Phạm Thị Tuyết	Thuyền	08/06/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	783
48	Nguyễn Thị Thanh	Tịnh	04/04/1994	3,53	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	789

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
49	Dương Hiền	Tịnh	26/11/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 790
50	Lê Thị Huyền	Trần	04/04/1994	3,57	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 793
51	Hồ Thị Huyền	Trang	25/03/1993	3,42	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 792
52	Lê Thị	Trang	06/04/1994	3,41	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 791
53	Nguyễn Thị Thanh	Và	20/01/1994	3,31	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 794
54	Hồ Thị	Vân	20/12/1994	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 795
55	Mai Thị Cẩm	Viên	13/03/1994	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 796
56	Nguyễn Tuấn	Vũ	11/01/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 797
57	Nguyễn Thị Phi	Yến	08/08/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 799

Ấn định danh sách này có 57 (năm mươi bảy) sinh viên, trong đó:

- 01 Xếp loại Xuất sắc
- 20 Xếp loại Giỏi
- 36 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình ✓



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-ĐHN, ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Từ Thị Hoài	Bích	21/06/1994	2,86	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 801
2	Lê Đình	Cánh	01/01/1994	2,57	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 802
3	Lê Thị Kim	Châu	15/01/1994	2,9	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 803
4	Lê Giang	Châu	01/01/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 804
5	Rah Lan H'	Đuih	09/10/1993	2,71	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 805
6	Nay	H'Sinh	24/08/1993	2,86	Khá	4878/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012 5
7	Đặng Thị	Hà	10/05/1994	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 809
8	Trần Thị Ngọc	Hạnh	27/10/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 810
9	Võ Thiện	Hào	30/09/1994	3,05	Khá	3526/ĐHĐN-ĐT ngày 28/06/2012 11
10	Huỳnh Thị	Hậu	11/01/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 811
11	Lê Thị Thu	Hiền	06/03/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 813
12	Trần Thị Thu	Hoà	01/04/1994	2,87	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 815
13	Nguyễn Thị	Hoa	10/07/1994	2,86	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 814
14	Nguyễn Thị Thu	Hồng	10/02/1994	2,67	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 816
15	Nguyễn Thị	Kiều	21/09/1993	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 817
16	Đinh Thị	Lự	20/02/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 820
17	Cao Thị	Luyên	20/04/1993	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 819
18	Phạm Thị Sao	Mai	10/08/1994	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 821
19	Lê Thị Hà	Na	13/02/1993	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 822
20	Phạm Thị	Nga	09/06/1994	3,29	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 823
21	Huỳnh Thị	Ngọc	26/09/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 825
22	Phạm Thị Ánh	Ngọc	07/06/1993	2,68	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 826
23	Trần Thị	Nguyệt	03/04/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 827
24	Đậu Thị	Nhung	03/08/1994	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 829
25	Lê Thị	Ny	11/08/1994	2,46	Trung bình	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 830
26	Trần Thị Chúc	Oanh	14/02/1994	2,68	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 831
27	A Lăng Thị	Panh	08/06/1993	2,7	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 832
28	Hoàng Văn	Phú	05/02/1994	2,57	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 833
29	Trịnh Thị	Phương	04/04/1994	2,74	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 834
30	Nguyễn Thị Xuân	Sinh	09/02/1993	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 836
31	Nguyễn Thị Thanh	Sương	27/01/1994	3,64	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 837
32	Đặng Thị	Thắm	24/12/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 843
33	Phạm Thị	Thắm	15/01/1993	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 844
34	Trịnh Công	Thành	20/07/1993	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 840
35	Bùi Thị Phương	Thảo	26/09/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 842
36	Nguyễn Thị	Thảo	22/12/1993	3,21	Khá (hạ bậc)	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 841
37	Nguyễn Thị	Thêu	07/07/1994	2,73	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 845
38	Nguyễn Văn	Thuận	20/10/1994	3,1	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 846
39	Nguyễn Thị Thanh	Thương	04/02/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 848
40	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	16/08/1994	2,9	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 847
41	Hoàng Thị Hồng	Tĩnh	12/11/1992	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 849
42	Nguyễn Ngọc Khang	Trang	07/07/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 851
43	Trần Thị Thuỳ	Trang	02/03/1993	2,78	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 850

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
44	Hoàng Thị Mỹ	Trang	05/11/1993	3,21	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	852
45	Thái Thị Hoài	Trình	05/09/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	855
46	Võ Thị Việt	Trình	18/11/1994	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	853
47	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	28/07/1994	2,89	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	854
48	Dương Thị	Tuyền	14/10/1994	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	857
49	Phạm Thị	Tuyết	06/05/1993	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	856
50	Phan Thị	Vê	20/02/1993	2,74	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	859
51	Đoàn Thị Ái	Vi	20/03/1993	2,54	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	860
52	Đinh Thị Như	Ý	02/02/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	865
53	Thái Thị Như	Ý	25/08/1993	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	864
54	Nguyễn Thị Dạ	Ý	01/01/1994	2,69	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	866
55	Dương Thị Thuỳ	Yên	20/09/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	861

Ấn định danh sách này có 55 (năm mươi lăm) sinh viên, trong đó:

- 01 Xếp loại Xuất sắc
- 06 Xếp loại Giỏi
- 47 Xếp loại Khá
- 01 Xếp loại Trung bình



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-TT, ngày 01 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng,
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
1	Trần Thị Ngọc	Ánh	19/08/1994	3,14	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	1
2	Ngô Công	Danh	01/01/1994	2,94	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	30
3	Trần Thị	Điểm	23/09/1993	3,57	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	303
4	Ngô Thị Hoàng	Giang	15/10/1993	3,24	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	49
5	Lê Thị Ngọc	Hân	01/03/1994	3,25	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	51
6	Trần Thị Mỹ	Hạnh	01/02/1994	3,20	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	50
7	Hồ Văn	Hiếu	03/04/1994	2,66	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	305
8	Nguyễn Thị	Hương	14/04/1990	3,53	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	307
9	Lê Đức	Huy	31/12/1994	3,06	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	306
10	Đông Thị Thuý	Liều	23/10/1993	2,83	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	53
11	Lê Thị Tuyết	Mai	21/01/1994	3,01	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	46
12	Lê Thị Thanh	Ngân	01/08/1994	3,36	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	7
13	Nguyễn Văn	Nhân	07/04/1994	2,92	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	308
14	Nguyễn Thị Kim	Như	06/09/1993	3,28	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	310
15	Võ Thị	Phường	29/09/1994	3,08	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	35
16	Võ Nguyễn Phương	Thảo	09/01/1994	2,92	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	55
17	Lưu Phương	Thảo	15/07/1994	2,85	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	57
18	Huỳnh Thị Phương	Thảo	07/04/1994	3,01	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	56
19	Lê Thị Thu	Thảo	08/07/1994	3,13	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	31
20	Võ Thị Thu	Thảo	01/09/1991	2,94	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	54
21	Đặng Nguyễn Phương	Thảo	13/04/1994	2,90	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	311
22	Trần Thị Hồng	Thiếp	18/12/1993	2,78	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	42
23	Trần Thị	Thúy	24/08/1993	2,82	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	59
24	Nguyễn Thị	Thúy	21/01/1994	3,14	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	12
25	Đào Thị Thu	Thúy	12/02/1993	3,34	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	47
26	Nguyễn Thị	Thúy	02/08/1994	2,98	Khá	7569/QĐ-ĐHĐN ngày 09/11/2012	6
27	Nguyễn Thị	Tín	20/10/1994	2,98	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	68
28	Huỳnh Thị	Tinh	22/06/1994	3,01	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	44
29	Lê Thị	Tinh	02/03/1994	3,00	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	61
30	Lê Văn	Trình	03/03/1993	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	312
31	Võ Thị Thu	Uyên	15/09/1993	2,96	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	62
32	Nguyễn Thị Trường	Vi	10/04/1994	3,20	Giỏi	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	63
33	Dương Thị Kim	Yến	28/01/1994	2,82	Khá	6900/ĐHĐN-ĐT ngày 22/10/2012	45

Ấn định danh sách này có 33 (ba mươi ba) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 09 Xếp loại Giỏi
- 24 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-TN, ngày 01 tháng 6... năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
1	Bùi Thị Ngọc	Ái	28/02/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	158
2	Võ Thị Mỹ	An	08/09/1994	2,69	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	152
3	Mai Thị Ngọc	Anh	30/08/1994	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	157
4	Tôn Nữ Kim	Anh	23/05/1994	3,10	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	155
5	Phạm Thị Hoàng	Anh	31/01/1994	2,92	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	153
6	Nguyễn Thị Thái	Bảo	17/03/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	159
7	Ngô Thị	Bé	02/02/1994	3,29	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	160
8	Nay H'	Bích	11/02/1994	2,75	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	161
9	Hoàng Thị Lệ	Chân	02/07/1994	3,00	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	162
10	Thị Thị Uyên	Chi	10/02/1993	2,72	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	163
11	Nguyễn Thị	Chung	19/04/1994	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	164
12	Bling	Dem	01/10/1993	2,70	Khá	4877/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012	7
13	Lê Trần Phúc	Diễm	28/08/1993	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	166
14	Nguyễn Thị	Diện	28/12/1993	2,58	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	165
15	Nguyễn Thị	Diệp	05/04/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	168
16	Phạm Thị Ngọc	Diệp	02/03/1994	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	167
17	Nguyễn Minh	Diệp	16/07/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	169
18	Võ Quang Thùy	Dung	01/08/1994	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	175
19	Dương Ngọc Bích	Dung	13/12/1992	3,02	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	173
20	Lê Thị Xuân	Dung	13/04/1994	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	172
21	Phạm Thị Thuý	Dung	12/07/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	170
22	Trần Thị Thuý	Dung	01/01/1994	3,16	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	171
23	Lê Thuý	Dung	17/04/1994	3,36	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	174
24	Đậu Thị Ánh	Duyên	04/03/1993	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	176
25	Rcom H'	Đe	17/05/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	177
26	Trần Thị Giao	Đông	15/12/1994	3,21	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	178
27	Lê Thị Khánh	Hà	26/12/1993	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	180
28	Trần Thị Thu	Hà	03/03/1994	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	181
29	Huỳnh Thị	Hà	08/11/1994	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	179
30	Nguyễn Thị	Hằng	12/09/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	185
31	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	10/10/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	187
32	Võ Thị Diễm	Hằng	25/09/1994	3,12	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	186
33	Đào Thị Mỹ	Hạnh	05/05/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	182
34	Nguyễn Thúy	Hiên	27/05/1994	2,62	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	194
35	Nông Thị	Hiên	02/10/1994	2,80	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	196
36	Trương Thị	Hiên	01/01/1991	3,21	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	195
37	Nguyễn Thị Minh	Hiên	10/02/1994	2,80	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	193
38	Trần Thị Bích	Hiên	22/02/1994	2,73	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	191
39	Trần Thị Ngọc	Hiệp	02/12/1994	3,40	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	190
40	Tạ Thị	Hoa	24/09/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	197
41	Nguyễn Thị	Huệ	20/08/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	200
42	Nguyễn Thị Quỳnh	Hưng	30/05/1994	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	203
43	Trần Thị	Hương	01/02/1994	2,77	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	205
44	Huỳnh Bích	Huyền	10/10/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	201
45	Thái Thị Thanh	Huyền	13/11/1993	2,86	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	202
46	Phan Thị Thanh	Lam	01/09/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	206
47	Nguyễn Thị Hoài	Lê	10/08/1993	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	207
48	Nguyễn Thị	Lệ	07/03/1994	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	208

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
49	Nguyễn Thị Ái	Liên	29/04/1994	2,91 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	209
50	Bùi Thị	Linh	18/02/1994	3,06 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	210
51	Trần Thị Ngọc	Linh	21/10/1994	3,30 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	215
52	Trần Thị Thùy	Linh	02/09/1994	3,15 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	214
53	Nguyễn Thị Hồng	Linh	10/01/1994	3,28 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	213
54	Huỳnh Gia	Linh	14/01/1994	3,23 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	212
55	Nguyễn Thụy Triều	Linh	22/03/1994	3,03 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	211
56	Đặng Thị Ngọc	Loan	28/08/1994	2,94 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	216
57	Lưu Thị	Ly	23/04/1994	3,21 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	218
58	Trần Thị Thảo	Ly	17/07/1993	3,15 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	217
59	Đinh Thị Thu	Mân	01/12/1993	2,82 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	220
60	Lê Thị	Mân	10/09/1994	3,06 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	221
61	Bùi Phúc	Minh	07/03/1994	2,90 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	222
62	Trương Thảo	My	25/11/1994	2,94 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	223
63	Phạm Thị Li	Na	03/05/1994	2,77 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	224
64	Trần Thị Thanh	Ngà	26/01/1994	3,01 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	226
65	Huỳnh Thị	Nga	10/02/1993	3,33 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	225
66	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	23/12/1994	3,20 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	229
67	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/04/1994	3,06 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	228
68	Võ Thị Thảo	Nguyên	09/10/1994	2,79 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	231
69	Huỳnh Phạm Diệu	Nguyên	23/04/1994	3,06 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	230
70	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	26/02/1993	2,98 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	232
71	Đinh Thị Thu	Nhân	30/04/1993	2,61 ✓	Khá	4878/ĐHĐN-ĐT ngày 17/08/2012	6
72	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	23/04/1994	2,96 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	238
73	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	25/11/1994	2,85 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	236
74	Trần Thị Yên	Nhi	21/08/1994	3,24 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	237
75	Trịnh Thị Ý	Nhi	22/08/1994	3,11 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	239
76	Mai Anh	Nhi	30/08/1994	3,12 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	235
77	Nguyễn Thùy	Nhung	25/11/1994	2,95 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	240
78	Lê Thị Kiều	Oanh	22/09/1993	3,20 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	242
79	Trương Hồng	Phúc	18/08/1993	3,39 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	243
80	Đỗ Thị	Phương	28/04/1994	2,97 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	248
81	Hồ Thị	Phương	27/03/1994	2,85 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	247
82	Lê Thị Hoài	Phương	20/06/1994	2,97 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	246
83	Bùi Thị Thảo	Phương	16/11/1994	3,11 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	245
84	Lê Thị	Quỳnh	15/07/1993	3,04 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	250
85	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/11/1994	3,50 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	252
86	Trần Thị Nguyên	Quỳnh	06/06/1994	2,94 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	251
87	Nguyễn Thị My	Sa	24/01/1994	3,28 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	254
88	Nguyễn Thị	Sa	19/02/1994	3,12 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	253
89	Trần Thị Thiện	Tâm	02/11/1993	3,27 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	255
90	Đỗ Thị Minh	Tâm	10/10/1994	3,28 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	256
91	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	10/12/1994	3,15 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	257
92	Nguyễn Trần Thanh	Thanh	22/02/1994	3,17 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	258
93	Lê Thị Thanh	Thảo	18/10/1993	2,88 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	263
94	Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/07/1994	3,47 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	264
95	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/03/1994	2,89 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	259
96	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/10/1993	3,01 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	260
97	Huỳnh Thị Thu	Thảo	19/12/1994	2,90 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	261
98	Trần Trương	Thi	24/02/1994	3,19 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	266
99	Nguyễn Thị Kim	Thi	25/07/1994	2,99 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	267
100	Lê Thị Minh	Thư	10/03/1994	2,74 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	273
101	Trương Thị Hồng	Thu	16/06/1994	3,19 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	268
102	Phạm Thị Bích	Thuận	16/05/1994	2,95 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	269

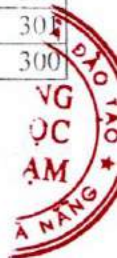
STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr. bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
103	Phạm Thị Thu	Thủy	12/11/1994	2,84 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	272
104	Hoàng Thị Thanh	Thủy	18/02/1993	2,93 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	270
105	Võ Thị	Tinh	25/02/1994	2,71 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	274
106	Nguyễn Thị Huyền	Trần	18/11/1994	3,15 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	282
107	Phùng Thị Thủy	Trang	01/04/1994	3,30 ✓	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	275
108	Trần Thị Phước	Trang	11/01/1994	2,80 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	277
109	Trần Thị Quỳnh	Trang	26/05/1994	3,14 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	281
110	Trần Thị Kim	Trang	22/01/1994	2,96 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	280
111	Trần Thị Thủy	Trang	08/01/1994	3,08 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	279
112	Lê Thị Thu	Trang	03/10/1993	2,64 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	276
113	Nguyễn Thị Đoàn	Trang	21/12/1993	3,10 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	278
114	Hồ Thị Thủy	Triều	10/01/1994	2,77 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	286
115	Lý Mỹ	Trinh	12/06/1993	2,73 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	285
116	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	12/01/1994	3,03 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	283
117	Trà Thị Lệ	Trinh	24/11/1994	3,12 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	284
118	Phùng Thị	Trung	20/10/1994	2,80 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	287
119	Phạm Thị Lệ	Tuyền	24/07/1994	2,98 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	288
120	Đoàn Thị Tường	Uyên	25/05/1994	2,82 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	291
121	Lê Thị Uyên	Vân	22/11/1994	2,69 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	293
122	Lương Thị	Vững	16/05/1994	3,08 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	296
123	Nguyễn Thị Thanh	Vý	31/10/1994	2,83 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	298
124	Võ Thanh Trường	Vý	18/06/1994	3,12 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	299
125	Dương Thị Tường	Vý	21/10/1994	3,01 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	297
126	Thái Thị Như	Ý	04/04/1994	2,96 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	300
127	Võ Thị Như	Ý	18/04/1994	2,57 ✓	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	300

Ấn định danh sách này có 127 (một trăm hai mươi bảy) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 21 Xếp loại Giỏi
- 106 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình ✓



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-ĐHN, ngày 01. tháng 6. năm 2016 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/11/1994	2,83	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 7
2	Lê Thị Ngọc Ánh	06/11/1993	2,94	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 6
3	Phạm Thị Lan Anh	15/07/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 3
4	Nguyễn Thị Ánh	01/08/1994	2,70	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 8
5	Hoàng Thị Ngọc Ánh	16/03/1993	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 4
6	Hà Thị Anh	20/06/1993	2,69	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 2
7	Tổng Phước Ngọc Anh	21/07/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 1
8	Y Bích	20/01/1994	2,71	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 10
9	Nguyễn Thị Bích	01/02/1993	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 9
10	Võ Ngọc Châu	14/01/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 11
11	Nguyễn Ngọc Uyên Chi	09/11/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 12
12	Lê Thị Chinh	17/03/1994	3,10	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 13
13	Nguyễn Thị Kim Cương	14/11/1993	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 14
14	Dương Thị Diễm	21/08/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 15
15	Huỳnh Thị Diệu	08/11/1994	3,21	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 16
16	Dương Thị Mỹ Duyên	10/06/1993	2,90	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 21
17	Phạm Thị Giang	28/04/1993	3,27	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 22
18	Nguyễn Thị Diệu Hà	08/10/1993	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 24
19	Nguyễn Thị Hà	24/04/1994	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 23
20	Trần Thị Hải	24/11/1994	2,86	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 26
21	Nguyễn Thị Hải	28/12/1994	2,78	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 27
22	Hồ Thị Thanh Hằng	06/10/1992	3,15	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 34
23	Tô Thị Hạnh	23/10/1994	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 29
24	Nguyễn Thị Hạnh	04/10/1993	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 28
25	Chu Thị Hậu	12/10/1994	3,20	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 31
26	Phan Thị Hiếu	14/11/1993	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 37
27	Trần Thị Hiếu	05/01/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 36
28	Lê Thị Hoa	09/07/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 39
29	Nguyễn Thị Thu Hoà	18/09/1994	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 40
30	Nguyễn Thị Hoài	09/04/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 42
31	Lê Thị Hoài	12/05/1994	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 41
32	Đoàn Thị Thanh Hoàng	20/07/1992	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 44
33	Nguyễn Thị Hồng	01/11/1993	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 45
34	Nguyễn Thị Hồng	10/10/1994	3,35	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 46
35	Hoàng Thị Bích Hồng	12/02/1994	3,10	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 47
36	Phan Thị Hương	25/11/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 55
37	Nguyễn Thị Hương	12/06/1994	3,26	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 53
38	Nguyễn Thị Hương	02/11/1994	3,13	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 54
39	Trương Ngọc Huyền	02/06/1992	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 51
40	Nguyễn Thị Huyền	19/03/1993	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 52
41	Nguyễn Thị Khuyên	11/12/1993	2,83	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 56
42	Phạm Thị Mỹ Lệ	29/10/1993	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 58
43	Đặng Thị Lên	01/07/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 57
44	Phạm Thị Thanh Liêm	28/02/1994	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 59
45	Bùi Thị Liễu	10/11/1994	2,90	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 60
46	Hoàng Thị Linh	04/06/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 63
47	Đoàn Thị Hoàng Linh	28/01/1994	2,70	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 65
48	Nguyễn Thị Ngọc Linh	10/09/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 64

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm	
49	Hoàng Thị	Linh	30/07/1994	2,74	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	67
50	Đinh Thị Thuý	Linh	26/07/1994	2,75	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	69
51	Lê Thị Phúc	Loan	02/02/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	70
52	Nguyễn Thị Ly	Ly	05/12/1994	3,18	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	73
53	Phan Thị	Mai	28/04/1994	2,86	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	75
54	Nguyễn Thị Xuân	Mơ	02/08/1994	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	77
55	Trần Thị Thoại	Mỹ	13/10/1994	2,79	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	79
56	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10/10/1993	3,00	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	82
57	Phạm Thị	Nga	17/01/1994	3,09	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	81
58	Lê Thị	Ngân	14/02/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	83
59	Phan Thị Ai	Nghĩa	21/04/1994	2,78	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	84
60	Lê Thị Thanh	Ngọc	14/08/1993	3,21	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	86
61	Nguyễn Thị	Ngọc	06/06/1993	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	85
62	Hồ Đức Hạnh	Nhân	21/07/1994	3,57	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	88
63	Phan Thị Thanh	Nhân	01/03/1993	3,26	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	87
64	Lê Thị	Nhi	09/08/1993	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	91
65	Trương Thị Yến	Nhi	02/08/1994	3,22	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	89
66	Nguyễn Thị	Nhiên	17/01/1994	2,92	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	92
67	Nguyễn Thị Bích	Nhung	28/08/1994	3,08	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	94
68	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/10/1994	3,59	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	95
69	Đoàn Thị	Nhung	13/01/1994	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	96
70	Nguyễn Thị	Nhung	13/05/1994	3,11	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	93
71	Vũ Thị Tú	Oanh	05/01/1993	2,72	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	97
72	Trần Thị Thanh	Phước	10/12/1993	3,10	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	101
73	Dương Thị Mộng	Phước	30/11/1992	2,63	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	102
74	Đoàn Thị Thanh	Phượng	21/04/1994	3,34	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	103
75	Lưu Thị	Phượng	12/09/1992	3,14	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	104
76	Nguyễn Thị Hoài	Phượng	02/01/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	99
77	Nguyễn Thị Như	Quý	01/05/1994	3,19	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	106
78	Lê Thị Hồng	Sương	12/11/1993	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	107
79	Nguyễn Thị	Thanh	18/01/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	108
80	Trần Thị Thu	Thảo	29/11/1994	3,12	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	112
81	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/06/1994	3,16	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	113
82	Lại Thị Thạch	Thảo	02/05/1994	2,92	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	115
83	Huỳnh Thị Phương	Thảo	10/09/1994	2,88	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	109
84	Võ Thị	Thảo	19/04/1994	3,07	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	114
85	Phạm Thị	Thi	06/06/1992	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	116
86	Đặng Thị Minh	Thiện	30/07/1993	2,99	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	117
87	Nguyễn Thị Kim	Thoa	03/09/1993	2,81	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	118
88	Phạm Thị Minh	Thư	10/02/1994	3,41	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	128
89	Huỳnh Kim	Thu	03/05/1994	2,70	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	119
90	Lê Thị Thiên	Thu	06/07/1993	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	120
91	Y	Thun	18/04/1993	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	121
92	Nguyễn Thị	Thương	16/05/1994	3,35	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	129
93	Nguyễn Thị Thu	Thủy	24/10/1994	2,74	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	125
94	Trần Thị Thu	Thủy	22/05/1993	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	126
95	Nguyễn Thị	Thủy	15/04/1994	2,84	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	127
96	Phạm Thị Xuân	Thúy	25/03/1993	3,23	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	122
97	Lê Thị Bích	Trâm	15/07/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	134
98	Trần Thanh	Trang	23/08/1993	2,87	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	131
99	Trần Thị Thuý	Trang	05/06/1994	3,20	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	133
100	Lê Thị	Trí	13/12/1993	3,26	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	137
101	Võ Diệu	Trinh	30/12/1994	3,26	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	136
102	Nguyễn Thị Hoàng	Trúc	01/01/1994	3,19	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012	138

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
103	Nguyễn Thị Tú	06/01/1994	3,47	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 142
104	Lê Thị Thanh	13/03/1994	2,98	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 140
105	Trần Thị Tuyết	10/10/1994	2,65	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 141
106	Lại Thị Lê Uy	28/03/1994	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 143
107	Nguyễn Thị Hồng Vân	27/04/1994	2,96	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 146
108	Lê Hải Vân	03/08/1994	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 144
109	Đoàn Thị Vân	27/12/1994	2,95	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 145
110	Nguyễn Thị Viên	17/10/1994	2,87	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 147
111	Nguyễn Thị Ý	20/12/1994	2,82	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 151
112	Nguyễn Thị Như Ý	16/03/1994	3,01	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 150
113	Lê Thị Hàm Yên	20/12/1993	3,06	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 148
114	Trần Thị Yên	11/08/1994	3,22	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 14/08/2012 149

Ấn định danh sách này có 114 (một trăm mười bốn) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 20 Xếp loại Giỏi
- 94 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

